

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2021/HNGĐ-
ST

Ngày: 19/4/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Trí;
2. Ông Đỗ Trọng Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: bà Cao Thị Bình - Thư ký tòa án ND huyện Thọ Xuân.

- Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa: không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 327/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX- ST ngày 01 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNCD ngày 14/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị T - sinh năm 1990;
- Bị đơn: anh Lê Trạch T1 - sinh năm 1989;

Đều trú tại: thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh **T1** tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và có Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/4/2014 do UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp. Vợ chồng chung sống chỉ được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng không sống cùng nhau 8 đến 9 tháng nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T1**.

Về con chung: vợ chồng có 2 con chung là **Lê Thị Khánh L** - sinh ngày 23/7/2014 và **Lê Trạch Thái S** - sinh ngày 09/3/2019. Khi ly hôn chị **T** có nguyện vọng giao cho mỗi người nuôi một cháu, chị trực tiếp chăm nuôi cháu **S**, anh **T1** trực tiếp chăm nuôi cháu **L**. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản, công nợ: chị **Phạm Thị T** và anh **Lê Trạch T1** không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Lê Trạch T1** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị **T** tự nguyện kết hôn với nhau và có Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/4/2014 do UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp. Thực tế vợ chồng cũng mâu thuẫn việc nhỏ nhặt, có nói qua nói lại, sau đó chị **T** về ngoại ở. Anh thấy vợ chồng vẫn còn yêu thương nhau nên anh không đồng ý ly hôn chị **T**.

Về con chung: Anh **T1** xác nhận vợ chồng có 2 con chung là **Lê Thị Khánh L** - sinh ngày 23/7/2014 và **Lê Trạch Thái S** - sinh ngày 09/3/2019. Anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc nuôi con.

Về tài sản: Anh **T1** nêu vợ chồng không có tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tố tụng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị **Phạm Thị T** yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, người trực tiếp nuôi con; Bị đơn anh **Lê Trạch T1** có địa chỉ cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

[2]. Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị T** và anh **Lê Trạch T1** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/4/2014, do đó là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị **T**, Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án cho thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, bởi lẽ tính tình không còn hợp, vợ chồng hay cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay. Tuy quá trình giải quyết anh **T1** mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế gia đình nhưng chị **T** một mực yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh **T1** vì thực tế vợ chồng sống không hạnh phúc, tình cảm đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được nữa. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị **T** ly hôn anh **Lê Trạch T1**.

[3]. Về con chung: chị **Phạm Thị T** và anh **Lê Trạch T1** đều xác nhận có hai con chung là **Lê Thị Khánh L** - sinh ngày 23/7/2014 và **Lê Trạch Thái S** - sinh ngày 09/3/2019.

Xét nguyện vọng của chị **T**, thấy rằng cháu **L** sinh ngày 09/3/2019 hiện đang còn nhỏ tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của mẹ sẽ tốt hơn. Chấp nhận nguyện vọng của chị **T**, giao cháu **L** cho chị tác trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu **S** đã lớn nên giao cho anh **T1** trực tiếp chăm nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng: chị **T**, anh **T1** không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[4]. Về tài sản và công nợ: hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị **Phạm Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 2 điều 227, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

- **Về hôn nhân:** xử cho chị **Phạm Thị T** được ly hôn anh **Lê Trạch T1**.

Giấy đăng ký kết hôn của **UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**, cấp cho chị **T** và anh **T1** ngày 18/4/2014, không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- **Về con chung:** giao cháu **Lê Trạch Thái S** - sinh ngày 09/3/2019 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu **Lê Thị Khánh L** - sinh ngày 23/7/2014 cho anh **T1** trực tiếp chăm nuôi, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp

luật đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi của cơ quan có thẩm quyền.

Chị **T**, anh **T1** không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị **T**, anh **T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* chị **Phạm Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2019/0006286 ngày 14/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị **T** đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị **T** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **T1** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- UBND xã Xuân Phong, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ.

THẨM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng